

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ
VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2024/DS-ST
Ngày: 23-4-2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H. sinh năm 1961; địa chỉ: 3 đường L, khu phố E, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1966; địa chỉ thường trú: Số C Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: 59/39/7 Đỗ Thúc T, tổ H, khu phố A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 27/12/2022 và các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh H trình bày:

Bà và bà P có ký 02 hợp đồng vay tiền, cụ thể:

+ Hợp đồng vay tiền vào ngày 22/4/2008 với số tiền là 53.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 năm.

+ Hợp đồng vay tiền vào ngày 23/4/2008 với số tiền 87.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 01 năm.

Nhưng đến nay bà P vẫn không trả tiền gốc và lãi cho bà theo thỏa thuận. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu bà P trả cho bà tổng số tiền là 509.600.000 đồng tính đến ngày 27/12/2022 (bao gồm tiền gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 369.600.000 đồng).

Tuy nhiên tại phiên họp và hòa giải ngày 18/3/2024 bà xin rút yêu cầu buộc bà P phải thanh toán tiền lãi là 369.600.000 đồng, chỉ yêu cầu bà P thanh toán tiền gốc.

Tại bản tự lời khai ngày 18/3/2024 và các lần làm việc tại tòa bị đơn là bà Phạm Thị P trình bày:

Bà xác nhận bà có ký 02 hợp đồng vay tiền bà H, cụ thể:

+ Hợp đồng vay tiền vào ngày 22/4/2008 với số tiền là 53.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm.

+ Hợp đồng vay tiền vào ngày 23/4/2008 với số tiền 87.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm.

Mặc dù trong hợp đồng ghi lãi suất là 1,5%/tháng nhưng thực tế bà H cho bà vay với lãi suất 20%/tháng.

Số tiền trên bà vay bà Hiền từ năm 2007, vay rất nhiều lần mỗi lần từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đến năm 2008 thì bà H mới cộng cả gốc và lãi rồi yêu cầu bà ký 02 hợp đồng vay tiền trên. Bà đã trả cho bà H cả 10 năm tiền lãi. Tuy nhiên do không có chứng cứ chứng minh nên bà thừa nhận tiền nợ gốc bà còn thiếu bà H là 140.000.000 đồng và không yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền lãi vượt quá quy định mà bà đã trả. Đồng thời bà yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà trả số nợ gốc 140.000.000 đồng làm một lần bà không đồng ý vì hoàn cảnh của bà hiện nay rất khó khăn nên xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn trả lại tài sản là số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải

quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi là 369.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Bị đơn cư ngụ tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận G theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về người tham gia tố tụng: Ông Ngô Hoàng L chồng của bà H xác định số tiền bà H cho bà P vay là tài sản riêng của bà H, không phải tài sản chung vợ chồng. Bà H xác định giao dịch vay này chỉ giữa bà H và bà P, không yêu cầu chồng bà P là ông Ngô T1 có trách nhiệm liên đới trả nợ do đó Hội đồng xét xử xác định ông L, ông T1 không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Ngày 28/12/2022 nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với 02 Hợp đồng vay tiền ngày 22/4/2008 và ngày 23/4/2008 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Do đó nguyên đơn có thể khởi kiện bị đơn yêu cầu đòi lại tài sản là số nợ gốc mà nguyên đơn đã cho bị đơn vay.

Tại phiên họp và hòa giải ngày 18/3/2024 nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại tiền nợ gốc. Do đó yêu cầu của nguyên đơn không thuộc trường hợp áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mặc dù bị đơn có lời khai mâu thuẫn với nguyên đơn về số tiền vay, lãi suất cho vay, số tiền vay và lãi đã trả nhưng lời khai của bị đơn không được nguyên đơn

thừa nhận, ngoài lời khai nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do bị đơn không đưa ra được chứng cứ nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 22/4/2008 thể hiện bà **H** cho bà **P** vay số tiền 53.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm.

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 23/4/2008 thể hiện bà **H** cho bà **P** vay số tiền 87.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm.

Hội đồng xét xử xác định giữa bà **H** và bà **P** có xác lập giao dịch vay tài sản đó là Hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 471, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Như đã phân tích ở trên, mặc dù các giấy vay tiền này đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, bà **H** vẫn được khởi kiện yêu cầu bà **P** thanh toán tiền nợ gốc chưa trả. Bà **P** không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả được một phần nợ gốc do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tiền nợ gốc của 02 hợp đồng vay tiền trên là 140.000.000 đồng của nguyên đơn theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về tiền lãi: Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn 10 năm tiền lãi với lãi suất là 20%/năm nhưng không có chứng cứ chứng minh về mức lãi suất và số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét đối với số tiền lãi vượt quá quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng.

[2.2] Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù bị đơn có yêu cầu trả số tiền trên bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý, đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận thanh toán của các bên nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền lãi với số tiền là 369.600.000 đồng. Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 155, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà **Phạm Thị P** phải trả cho bà **Trần Thị Thanh H** số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi là 369.600.000 đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng do bà **Phạm Thị P** phải chịu.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung